

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **524** /BNN-VP

Hà Nội, ngày **22** tháng 01 năm 2013

V/v xây dựng lộ trình cung cấp
dịch vụ công trực tuyến theo quy định
của Nghị định 43/2001/NĐ-CP

- Kính gửi:
- Các Tổng cục: Lâm nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản;
 - Các Cục trực thuộc Bộ;
 - Các Vụ: Tài chính, Tổ chức cán bộ, Hợp tác quốc tế, Khoa học công nghệ và Môi trường;
 - Ban Đổi mới và Quản lý doanh nghiệp nông nghiệp;
 - Trung tâm Khuyến nông quốc gia.

Thực hiện văn bản số 3601/BTTTT-UDCNTT ngày 25/12/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nghị định 43/2011/NĐ-CP, trong đó có hướng dẫn chi tiết một số nội dung như sau:

1. Về phương pháp xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến

1.1. Cơ sở để xác định danh mục các dịch vụ công trực tuyến ưu tiên triển khai

a) Căn cứ vào **Danh mục nhóm các dịch vụ công** được ưu tiên cung cấp trực tuyến tối thiểu mức độ 3 tại Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010.

b) Căn cứ vào thực tế **số lượng hồ sơ** tiếp nhận và xử lý đối với từng thủ tục hành chính trong các năm trước.

c) Căn cứ vào **hiệu quả sử dụng** đối với các dịch vụ công trực tuyến đã triển khai trên trang/cổng thông tin điện tử, đặc biệt là các dịch vụ mức độ 3 và 4 (kết quả thực tế sử dụng đối với Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Quản lý chất lượng NLS & TS).

d) Căn cứ vào **kết quả thăm dò ý kiến** trên trang/cổng thông tin điện tử do cơ quan thực hiện đối với các dịch vụ muốn ưu tiên thực hiện.

đ) Căn cứ vào **danh mục các dịch vụ công mới** nảy sinh, chưa được triển khai trực tuyến (nếu có).

1.2. Đánh giá mức độ sẵn sàng cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến

a) **Đánh giá mức độ sẵn sàng hạ tầng:** hạ tầng mạng, hạ tầng máy chủ, lưu trữ thông tin, khả năng kết nối Internet; hạ tầng cho đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, xác thực điện tử.

b) **Đánh giá mức độ sẵn sàng về nhân lực:** nhận thức và quyết tâm của lãnh đạo, nhân lực công nghệ thông tin, nhân lực tham gia xử lý trực tuyến.

c) Đánh giá nguồn lực tài chính: nguồn kinh phí đầu tư cho việc xây dựng, duy trì và xử lý dịch vụ công trực tuyến (nguồn ngân sách nhà nước, tài trợ, hợp tác công tư, thuê dịch vụ, thu phí sử dụng dịch vụ, ...).

d) Đánh giá mức độ phức tạp của dịch vụ: độ phức tạp của quy trình nghiệp vụ, độ phức tạp của dữ liệu và xác thực dữ liệu, thời gian xây dựng dịch vụ.

đ) Đối với các dịch vụ cần xử lý liên thông giữa nhiều cơ quan: đánh giá khả năng sẵn sàng kết nối liên thông giữa các hệ thống công nghệ thông tin của các cơ quan.

e) Đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia dịch vụ công trực tuyến của các tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

2. Xác định lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho từng dịch vụ, nhóm dịch vụ

2.1. Xác định thứ tự ưu tiên triển khai cho từng dịch vụ công trực tuyến: xem xét xác định thứ tự ưu tiên theo nguyên tắc ưu tiên:

- Dịch vụ có nhiều khách hàng (số lượng hồ sơ đăng ký nhiều);
- Dịch vụ có độ phức tạp triển khai vừa phải;
- Dịch vụ được triển khai tại các cơ quan có mức độ sẵn sàng cao;
- Dịch vụ có tỉ lệ khách hàng có mức độ sẵn sàng tham gia dịch vụ cao (có máy tính, có trình độ tin học cơ bản,...);
- Sẵn sàng có nguồn đầu tư.

2.2. Căn cứ danh mục và thứ tự ưu tiên của các dịch vụ cần triển khai, dự kiến thời gian triển khai đối với từng dịch vụ, xác định lộ trình cung cấp cụ thể đối với từng dịch vụ hoặc nhóm dịch vụ.

Từ phương pháp xây dựng và cách xác định lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên đây, đề nghị các đơn vị xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của đơn vị, trên cơ sở xác định các dịch vụ hoặc nhóm dịch vụ công trực tuyến ưu tiên triển khai và đặt ra các mốc thời gian triển khai, cụ thể theo hướng dẫn tại khung, bảng kèm theo (*Phụ lục: Lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến và Biểu danh mục các dịch vụ công trực tuyến phải cung cấp giai đoạn 2011-2015*).

File mềm Phụ lục, Biểu mẫu được đăng tải trên chuyên trang cải cách hành chính của Bộ tại địa chỉ: <http://cchc.omard.gov.vn>, đề nghị đơn vị sử dụng biểu mẫu trong file mềm để tổng hợp thống kê, báo cáo.

Chú ý:

1. Xác định độ đơn giản, phức tạp của dịch vụ:

- Mức độ đơn giản:

+ Có hồ sơ đơn giản (chỉ gồm: đơn, tờ khai theo mẫu, giấy chứng nhận, giấy xác nhận); số lượng giấy tờ ít.

+ Quá trình giải quyết chỉ do một đơn vị thực hiện, hoặc lấy ý kiến đơn vị khác bằng văn bản.

- Mức độ phức tạp:

+ Có hồ sơ phức tạp: ngoài hồ sơ như dịch vụ đơn giản, còn thêm tài liệu như: thiết kế, phương án, hồ sơ kỹ thuật, giấy xác nhận...; số lượng giấy tờ nhiều.

+ Quá trình giải quyết do 2 đơn vị trở lên phối hợp thực hiện (đồng giải quyết).

2. Năm 2013: Bộ đã có chủ trương lựa chọn một số thủ tục hành chính để thực hiện thí điểm cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở một số đơn vị (Tổng cục Lâm nghiệp, Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y, Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản). Tuy nhiên, khuyến khích các đơn vị khác tham gia thực hiện DVCTT mức độ 3, 4 trong năm 2013.

3. Dịch vụ công trực tuyến có thể thực hiện ngay mức độ 4, không nhất thiết phải thực hiện mức độ 3 trước.

Văn bản phê duyệt lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các đơn vị gửi về Văn phòng cải cách hành chính (Văn phòng Bộ) trước ngày 22/02/2013. File mềm gửi về Văn phòng theo địa chỉ: vanphongcchc.vp@mard.gov.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Văn Tám (để b/c);
- Chánh Văn phòng Bộ (để b/c);
- Lưu: VT, VPCCHC.



Trần Quốc Tuấn

Phụ lục: Mẫu Lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến
(Ban hành kèm theo Công văn số **524** /BNN-VP
ngày **22/01/2013** của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

LỘ TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
Theo quy định tại Nghị định 43/2001/NĐ-CP

I. Thông tin chung

1. Mức độ sẵn sàng thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4

- | | | |
|--|--|---|
| - Sự quyết tâm của lãnh đạo | Có ☐ | Chưa ☐ |
| - Công chức có trình độ CNTT, chuyên trách | Có ☐ | Chưa ☐ |
| - Công chức thực hiện TTHC có khả năng thực hiện DVCTT | Có ☐ | Chưa ☐ |
| - Có mạng máy tính nội bộ | Có ☐ | Chưa ☐ |
| - Có kết nối Internet | Có ☐ | Chưa ☐ |
| - Có máy chủ hoạt động thường xuyên | Có ☐ | Chưa ☐ |
| - Kết nối hệ thống giữa các đơn vị trực thuộc tại cơ quan | Có ☐ | Chưa ☐ |
| - Kết nối hệ thống giữa các đơn vị trực thuộc ngoài cơ quan (vùng, địa phương) | Có ☐ | Chưa ☐ |
| - Có sử dụng phần mềm đảm bảo an ninh mạng | Có ☐ | Chưa ☐ |
| - Đã sử dụng chữ ký số (xác thực điện tử) | Có ☐ | Chưa ☐ |
| - Kinh phí sẵn sàng cho sử dụng DVCTT | Có ☐ | Chưa ☐ |
| - Nguồn kinh phí | Có ☐ | Chưa ☐ |
| - Các dịch vụ giải quyết TTHC được thu phí, lệ phí | Toàn bộ ☐
Một phần ☐ | Phần lớn ☐
Chưa ☐ |
| - Mức độ sẵn sàng của tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ DVCTT | Trên 50% ☐
Dưới 30% ☐ | 30-50% ☐
Chưa biết ☐ |

2. Số lượng thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm quản lý của đơn vị

- Tổng số thủ tục hành chính:

DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN PHẢI CUNG CẤP GIAI ĐOẠN 2011-2015

Don vj:

[illegible]